

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN 1076 : 1986**

**GỖ XẺ –  
THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA**

*Sawn wood – Terms and definitions*

**HÀ NỘI – 2008**



## **Lời nói đầu**

TCVN 1076 : 1986 thay thế TCVN 1076 : 1971.

TCVN 1076 : 1986 do Chi hội khoa học kỹ thuật – Bộ Lâm nghiệp biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.



## Gỗ xẻ – Thuật ngữ và định nghĩa

*Sawn wood – Terms and definitions*

Thuật ngữ	Định nghĩa
<b>1 Gỗ xẻ</b> (Sawn Wood)	Sản phẩm được xẻ ra từ gỗ tròn, có hình dạng và kích thước nhất định.
<b>2 Gỗ xẻ lá kim</b> (Sawn soft wood)	Sản phẩm gỗ xẻ từ các loại cây gỗ lá kim
<b>3 Gỗ xẻ lá rộng</b> (Sawn hard wood)	Sản phẩm gỗ xẻ từ các loại cây gỗ lá rộng
<b>4 Gỗ xẻ xuyên tâm</b> (Radian sawn timber)	Gỗ xẻ có một mặt theo chiều xuyên tâm
<b>5 Gỗ xẻ tiếp tuyến</b>	Gỗ xẻ có bề mặt rộng nhất theo chiều tiếp tuyến.
<b>6 Gỗ xẻ bọc ruột</b> (Heart sawn timber)	Gỗ xẻ có chứa ruột cây
<b>7 Ván</b> (Board)	Gỗ xẻ có hai mặt song song và có chiều dày đến 60 mm.
<b>8 Phiến</b> (Plank)	Gỗ xẻ có hai mặt song song và có chiều dày trên 100 mm.
<b>9 Hộp</b> (Sawn timber)	Gỗ xẻ dạng hộp có cạnh ngắn nhất không dưới 100 mm.
<b>10 Thanh</b> (Bar)	Hộp có chiều dày dưới 100 mm và chiều rộng không quá hai lần chiều dày.
<b>11 Bia bấp</b> (Mining slab)	Phần xẻ ra từ gỗ tròn có mặt cắt là hình viên phân và dây của hình viên phân đó không lớn hơn 100 mm.